TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DSST
Ngày: 22-3-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Ông Nguyễn Hữu Nhàn

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Võ Nam Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 609/2021/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 693/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh U, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 10 S, khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn:*

1. Anh Ngô Thanh Th, sinh năm 1972 (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 128 L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Người có quyền lợi, N vụ liên quan:* Chị Huỳnh Thị Q, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 10 S, khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Minh U trình bày*: Trước đó vợ chồng anh không quen biết với vợ chồng Ngô Thanh Th, chị Nguyễn Thị Thu H nhưng thông qua anh Trần Văn N là hàng xóm của anh (do anh N chạy xe cho vợ chồng Ngô Thanh Th, chị Nguyễn Thị Thu H) vào năm 2019 vợ chồng Ngô Thanh Th, chị Nguyễn Thị Thu H có vay tiền của vợ chồng anh 3 lần cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 17/02/2019 âm lịch vay số tiền 50.000.000đ, anh trực tiếp giao tiền cho anh Th, anh Th viết giấy mượn tiền và vợ chồng anh Th, chị H cùng ký, mức lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng.

- Lần 2: Khoảng 02 tháng sau, anh Th trực tiếp vay tiếp số tiền 20.000.000đ, anh Th viết giấy mượn tiền do vợ chồng anh Th, chị H ký, mức lãi suất cũng thỏa thuận là 6%/tháng.

- Lần 3: Ngày 22/8/2019 âm lịch (tức ngày 20/9/2019 dương lịch) vợ chồng anh Th, chị H vay tiếp số tiền 30.000.000đ.

Tổng cộng 3 lần vay là 100.000.000đ và anh Th viết gộp chung lại thành 01 giấy mượn số tiền 100.000.000đ, anh Th chị H cùng ký tên, sau khi vợ chồng anh Th viết giấy mượn số tiền 100.000.000đ thì vợ chồng anh đã trả lại 02 giấy mượn tiền trước đó cho vợ chồng anh Th.

Từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 7 năm 2019 thì anh N trực tiếp trả tiền lãi thay vợ chồng anh Th chị H là 5 tháng với số tiền là khoảng 18.000.000đ. Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 8 năm 2020 thì anh Th và chị H trực tiếp trả tiền lãi cho vợ chồng anh nhưng có tháng đưa tháng không, có khi mấy tháng mới đưa, có tháng đưa tiền lãi số tiền 1.000.000đ, có tháng đưa 1.500.000đ, tháng đưa 2.000.000đ, có một lần đưa 4.000.000đ và đến tháng 10 năm 2021 anh Th trả tiền lãi 2 lần: một lần 1.000.000đ, một lần 500.000đ, tổng cộng 15.500.000đ; Vợ chồng anh nhận tiền lãi trực tiếp từ anh N và vợ chồng anh Th chị H trả tổng cộng là 33.500.000đ. Đến nay, vợ chồng anh Th chị H chưa trả khoản tiền vay gốc nào, hiện vợ chồng anh Th chị H vẫn còn nợ vợ chồng anh số tiền vay gốc là 100.000.000đ.

Nay anh rU yêu cầu vợ chồng anh Th chị H trả tiền lãi 30.000.000đ mà chỉ yêu cầu vợ chồng chị H, anh Th trả một lần tiền vay gốc còn nợ là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), anh không đồng ý cho trả dần. Đối với số tiền lãi vợ chồng anh Th chị H đã trả thì anh không có ý kiến, yêu cầu gì.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày*: Anh Th trước đây là chồng của chị, chị và anh Th ly hôn vào năm 2017 sau đó quay lại chung sống nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn lại, chị và anh Th không có mối quan hệ họ hàng với vợ chồng Nguyễn Minh U, Huỳnh Thị Q. Chị và anh Th có xe nhà chạy chở hàng đường dài nên kêu thêm tài tên là N ở N. Trong thời gian sống chung, vào năm 2019 do thiếu tiền nên thông qua N thì chị và anh Th có vay tiền của vợ chồng Nguyễn Minh U, Huỳnh Thị Q vào ngày 17/02/2019 âm lịch vay số

tiền 50.000.000đ, lãi suất là 5.000.000đ/tháng, anh Ngô Thanh Th trực tiếp viết giấy do chị và anh Th cùng ký, viết thành 02 giấy mỗi bên giữ 01 giấy.

Sau đó chị không nhớ ngày tháng cũng trong năm 2019 thì anh Th vay tiếp vợ chồng Nguyễn Minh U, Huỳnh Thị Q số tiền 20.000.000đ, lãi suất là 2.000.000đ/tháng, lần vay này không viết giấy tờ. Cũng trong năm 2019, chị không nhớ ngày tháng, anh Th tiếp tục vay của vợ chồng Nguyễn Minh U, Huỳnh Thị Q số tiền 30.000.000đ, lãi suất 3.000.000/tháng, lần vay tiền này cũng không viết giấy tờ.

Tổng cộng 3 lần vay số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), ngoài khoản vay trên thì chị và anh Th không còn vay khoản nào khác. Đến ngày 22/8/2019 âm lịch (ngày 20/9/2019 dương lịch) thì cộng chung 3 lần vay số tiền vay gốc là 100.000.000đ nên anh Th viết lại giấy nợ 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) do chị và anh Th cùng ký.

Từ lúc vay tiền cho đến tháng 10 năm 2020, anh Th trực tiếp trả tiền lãi đều hàng tháng cho vợ chồng Nguyễn Minh U, Huỳnh Thị Q có lúc trả qua hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng Viettin bank, từ sau tháng 10 năm 2020 thì có tháng trả số tiền 1.000.000đ, có khi trả 1.500.000đ. Các hóa đơn chuyển khoản trả tiền cho vợ chồng U - Q thì không còn. Riêng chị thì trực tiếp trả tiền lãi 4 lần (một lần 1.500.000đ, một lần 2.000.000đ, một lần 2.500.000đ, một lần trả 1.000.000đ) tổng cộng là 7.000.000đ cho chị Q trực tiếp nhận nhưng không có viết giấy biên nhận, cũng không ký sổ sách.

Chị xác định hiện chị và anh Th còn nợ vợ chồng Nguyễn Minh U, Huỳnh Thị Q số tiền vay gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), anh Th hiện đang ở đâu chị không biết, chị không có khả năng trả nợ nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ; đối với số tiền lãi đã trả chị không có ý kiến, yêu cầu gì.

* Tòa án nhân dân thị xã A đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nhưng anh Th không đến Tòa để trình bày ý kiến, yêu cầu.

* *Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, N vụ liên quan chị Huỳnh Thị Q trình bày:* Chị là vợ của anh Nguyễn Minh U, chị không có mối quan hệ họ hàng với vợ chồng Ngô Thanh Th, chị Nguyễn Thị Thu H. Chị thống nhất với lời trình bày của anh U về thời gian vay, số lần vay và số tiền vay từng lần cụ thể, tổng cộng vợ chồng anh Th, chị H vay số tiền vay gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 8 năm 2020 thì anh Th và chị H trả tiền lãi cho vợ chồng chị theo hình thức trả trực tiếp và chuyển khoản số tiền 15.500.000đ, ngoài ra vợ chồng chị nhận tiền lãi từ anh Trần Văn N trả (anh N lái xe cho vợ chồng anh Th, chị H) là 18.000.000đ; tổng cộng tiền lãi vợ chồng chị nhận là 33.500.000đ.

Vợ chồng anh Th chị H vẫn còn nợ vợ chồng chị số tiền vay gốc là 100.000.000đ, nay chị thống nhất với yêu cầu của anh U yêu cầu vợ chồng chị H

anh Th trả tiền vay gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu), yêu cầu trả một lần và không đồng ý cho trả dần. Chị cũng thống nhất không yêu cầu vợ chồng anh Th chị H trả tiền lãi 30.000.000đ và chị cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền lãi mà vợ chồng chị H, anh Th đã trả.

* Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên ông Nguyễn Minh U, buộc ông Ngô Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thu H phải trả một lần số tiền vay 100.000.000đ (mỗi người 50.000.000đ). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu trả tiền lãi.

- Bác yêu cầu của bị đơn về việc xin trả dần khoản nợ vay gốc mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Minh U khởi kiện anh Ngô Thanh Th và chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu trả tiền vay gốc phát sinh từ giao dịch vay tiền nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Ngô Thanh Th được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Ngô Thanh Th và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn chung sống với nhau tại số nhà 128 L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. Đến năm 2017 thì chị

H, anh Th tiến hành thủ tục ly hôn và được Tòa án nhân dân thị xã A công nhận thuận tình ly hôn tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 167A/2017/QDST-HNGĐ ngày 19/6/2017. Sau khi ly hôn thì anh Th và chị H tiếp tục chung sống với nhau nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn lại, trong thời gian chung sống với nhau thì đến năm 2019 anh Ngô Thanh Th và chị Nguyễn Thị Thu H cùng xác lập giao dịch vay tiền với vợ chồng anh Nguyễn Minh U, chị Nguyễn Thị Q trong 3 lần tổng cộng số tiền vay gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Tuy nhiên từ khi Toà án thụ lý vụ án đến khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì anh Ngô Thanh Th luôn vắng mặt, anh Th không đến Tòa án để trình bày ý kiến yêu cầu cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của anh U và không tham gia hòa giải do Tòa án tiến hành.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H xác định hiện chị và anh Th còn nợ vợ chồng anh U, chị Q số tiền vay gốc 100.000.000đ là phù hợp với đơn khởi kiện và lời trình bày của anh U, chị Q nên đây được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Th, chị H đã nhận số tiền vay gốc 100.000.000đ từ vợ chồng anh U, chị Q và khi anh U, chị Q có yêu cầu trả nợ nhưng anh Th và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, để bảo vệ quyền lợi nên anh U khởi kiện yêu cầu anh Th, chị H trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy giao dịch vay tiền giữa anh Th và chị H với vợ chồng anh U, chị Q phát sinh trong thời gian anh Th, chị H đã ly hôn nên căn cứ Điều 288, Điều 290 Bộ luật dân sự buộc anh Ngô Thanh Th và chị Nguyễn Thị Thu H cùng thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng anh Ngô Minh U, chị Nguyễn Thị Q số tiền vay gốc là 100.000.000đ (trong đó phần anh Th có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000đ, chị H có trách nhiệm trả số tiền 50.000.000đ).

[2.3] Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, anh Nguyễn Minh U tự nguyện rút yêu cầu chị H, anh Th trả số tiền lãi 30.000.000đ nên đình chỉ yêu cầu này. Ngoài ra, vợ chồng anh U, chị Q và chị H không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền lãi đã trả nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Chị H xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ nhưng không được vợ chồng anh U, chị Q chấp nhận và không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả dần của chị H.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì anh Ngô Thanh Th và chị Nguyễn Thị Thu H, mỗi người phải chịu án phí là 2.500.000đ [cách tính: (100.000.000đ x 5%) : 2]. Anh Nguyễn Minh U không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 3.250.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005009 ngày 26/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 288, Điều 290, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh U

2. Buộc anh Ngô Thanh Th và chị Nguyễn Thị Thu H cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng anh Nguyễn Minh U, chị Nguyễn Thị Q số tiền vay gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Trong đó chia phần anh Ngô Thanh Th có nghĩa vụ trả số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), chị Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ trả số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu anh Ngô Thanh Th và chị Nguyễn Thị Thu H trả số tiền lãi 30.000.000đ, do anh Nguyễn Minh U rút yêu cầu.

4. Bác lời khai của chị Nguyễn Thị Thu H xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ vì không được vợ chồng anh U, chị Q chấp nhận và không có căn cứ.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1 Anh Ngô Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

5.2 Hoàn trả cho anh Ngô Minh U tiền tạm ứng án phí là 3.250.000đ (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005009 ngày 26/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

6/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng anh Ngô Thanh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7/ Quyền, nghĩa vụ thi thành án:

7.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho

đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. A
- Chi cục THA TX. A
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ